TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-03-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Bình;

Ông Lưu Xuân Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Xóm TP1, xã NM, huyện NT, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Xóm TT, xã NM, huyện NT, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa anh B và chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định vào ngày 03/11/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách, không thấu hiểu thông cảm cho nhau, nên hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 09/2018 đến nay anh và chị T ly thân không quan tâm nhau, không tìm nhau đoàn tụ lại. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Phương N sinh ngày 30/7/2015, đang ở với chị T. Anh tự nguyện giao chị T tiếp tục nuôi con chung khi ly hôn và anh cấp dưỡng nuôi con nếu chị T có yêu cầu.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2023, bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh B có quá trình kết hôn, quá trình chung sống, hiện trạng hôn nhân và con chung có nội dung đúng như anh B trình bày. Chị T cũng xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị nhất trí ly hôn anh Nguyễn Văn B và đề nghị khi ly hôn được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Các đương sự không đề nghị UBND xã Nam Mỹ hòa giải cơ sở về thủ tục ly hôn nên Chính quyền địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh B và chị T là gì, không biết thu nhập hiện nay của các bên như nào.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82; 83; 107; 110; 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T. Về con chung: Giao chị Phạm Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phương N sinh ngày 30/7/2015. Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T theo yêu cầu của chị T mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm con chung theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Về quyền kháng cáo, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị T có hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Tại Phiên tòa anh B, chị T vắng mặt đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B và chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định vào năm 2014 nên đây là cuộc hôn nhân này hợp pháp.

[3] Quá trình chung sống: Do anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T bất đồng quan điểm, tính cách, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2018 đến nay không quan tâm nhau; điều náy chứng tỏ các bên không còn tha thiết hàn gắn đoàn tụ xây dựng hạnh phúc chung.

[4] Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân vẫn không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn chị Phạm Thị T của anh Nguyễn Văn B cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con khi ly hôn: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T có một con chung là Nguyễn Phương N sinh ngày 30/7/2015 đang ở với chị T. Xét nguyện vọng và hiện trạng của con chung, ý kiến của các bên, để đảm bảo tính ổn định về học tập và sinh hoạt của con chung khi ly hôn, nên giao chị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81; 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Buộc anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T với mức 1.500.000 đồng mỗi tháng theo đề nghị của chị T kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các Điều 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Iyr ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị Phạm Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phương N sinh ngày 30/7/2015. Buộc anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị T mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004828 ngày 06/12/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngáy bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Nam Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Xuân Tiến **Nguyễn Thế Bình** **Trần Văn Thi**